

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
KIM LONG**

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã kiểm toán
tại thời điểm 30/06/2013



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	5 – 10



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Kim Long (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2013 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần Chứng khoán Kim Long là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013382 ngày 01/08/2006 và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép hoạt động theo Quyết định số 18/UBCK-GPHĐKD ngày 06/10/2006. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn đầu tư và ngành nghề kinh doanh của Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước lần lượt chuẩn y tại Quyết định số 281/QĐ-UBCK ngày 27/4/2007; Quyết định số 314/QĐ-UBCK ngày 16/5/2007; Quyết định số 93/UBCK-GPĐCCTCK ngày 05/12/2007; Quyết định số 129/QĐ-UBCK ngày 20/5/2008; Quyết định số 188/QĐ-UBCK ngày 11/02/2009; Quyết định số 249/UBCK-GP ngày 14/7/2009; Quyết định số 277/UBCK-GP ngày 09/11/2009; Quyết định số 290/UBCK-GP ngày 24/12/2009; Quyết định số 324/UBCK-GP ngày 25/5/2010. Hiện tại, Công ty là thành viên của Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và là thành viên lưu ký của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Công ty có 01 chi nhánh tại phòng 2, lầu 2, tòa nhà Centec, số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh và được thành lập theo Quyết định số 550/QĐ-UBCK ngày 26/8/2008 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 22 phố Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|-------------------------|----------------------------|
| - Ông Hà Hoài Nam | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| - Ông Phạm Tấn Huy Bằng | Ủy viên Hội đồng quản trị |
| - Ông Phạm Vĩnh Thành | Ủy viên Hội đồng quản trị |
| - Ông Trần Văn Trọng | Ủy viên Hội đồng quản trị |
| - Ông Bùi Chiến Phong | Ủy viên Hội đồng quản trị |

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|-----------------------|-------------------|
| - Ông Phạm Vĩnh Thành | Tổng Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Đức Tuấn | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Ngô Tuấn | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Trần Văn Trọng | Phó Tổng Giám đốc |



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2013 của Công ty cổ phần Chứng khoán Kim Long.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và đảm bảo báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2013, phù hợp với các quy định tại Thông tư 226/2010/TT – BTC ngày 31/12/2010 về việc “*quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính*” và Thông tư 165/2012/TT – BTC ngày 09/10/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 226/2010/TT – BTC.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 52/2012/TT – BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 05/04/2012 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

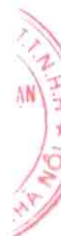
Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2013

Đại diện cho HĐQT và Ban Giám đốc



PHẠM VĨNH THÀNH

Tổng Giám đốc





Số: 123/2013/BCKT - BDO

Tel: +84 (0)4 37833911/12/13
Fax: +84 (0)4 37833914
www.bdo.vn

20th Floor, Icon 4 Tower
243A De La Thanh St
Dong Da District, Hanoi,
Vietnam

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty cổ phần Chứng khoán Kim Long
tại thời điểm 30/06/2013.*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2013 của Công ty cổ phần Chứng khoán Kim Long được lập ngày 17/7/2013 từ trang 05 đến trang 10 đính kèm.

Việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Kim Long. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này căn cứ trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở để đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích dựa trên các thông tin tài chính, các bằng chứng xác minh cho các số liệu trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Để đánh giá rủi ro, chúng tôi thực hiện xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính nhằm thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp. Việc xem xét này không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về sự hiện hữu của hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị. Công việc kiểm toán của chúng tôi cũng bao gồm việc đánh giá sự tuân thủ các quy định hiện hành về trình bày các thông tin trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty cổ phần Chứng khoán Kim Long tại thời điểm 30/06/2013, phù hợp với các quy định tại Thông tư 226/2010/TT – BTC và Thông tư 165/2012/TT – BTC về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và các biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO



NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: 0445/KTV

Trang

NGUYỄN QUỲNH TRANG
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 1469/KTV

Số:/13/BC-KLS

V/v Báo cáo tỉ lệ an toàn tài chính

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2013

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: ngày 30/6/2013

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.
- (2) Đối với những vấn đề có thể phát sinh ảnh hưởng đến tình hình tài chính của công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng

Nguyễn Thùy Linh

Trưởng BP. Kiểm soát nội bộ

Đặng Ngọc Khang

Tổng Giám đốc



Phạm Vĩnh Thành

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị: VND

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	Nguồn vốn	2.629.116.838.348	72.397.637.850	5.996.754.491
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	2.025.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần	444.716.419.000		
3	Cổ phiếu quỹ	(39.387.090.000)		
6	Quỹ dự phòng tài chính	16.854.819.336		
8	Lợi nhuận tích lũy và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo qui định pháp luật	181.932.690.012		
13	Toàn phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		72.397.637.850	5.996.754.491
1A	Tổng	2.562.715.954.989		
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tiền và các khoản tương đương tiền			
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	
1	Đầu tư ngắn hạn		-	
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		-	
III	Các khoản phải thu ngắn hạn		1.654.744.800	
1	Phải thu của khách hàng		1.635.142.800	
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		1.635.142.800	
2	Trả trước cho người bán		19.602.000	
5	Các khoản phải thu khác		-	
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	
IV	Hàng tồn kho		325.972.072	
V	Tài sản ngắn hạn khác		208.438.107.982	
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		4.958.663.536	
4	Tài sản ngắn hạn khác		203.479.444.446	
4.2	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác		203.479.444.446	
1B	Tổng		212.053.967.654	
C	Tài sản dài hạn			
I	Các khoản phải thu dài hạn		-	
1	Phải thu dài hạn của khách hàng		-	
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	-	-	
II	Tài sản cố định	-	1.742.357.737	
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
4	Đầu tư dài hạn khác	-	-	-
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	-	-	-
V	Tài sản dài hạn khác	-	9.322.990.166	-
1C	Tổng		11.065.347.903	
VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C		2.339.596.639.432		

133
:ÔN
NHIỆ
ỀM
31
ĐA

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị: VND

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)=(1)x(2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền công cụ thị trường tiền tệ			1.544.190.638.920	-
1	Tiền mặt (VND)	0%	106.747.746	-
2	Các khoản tương đương tiền	0%	1.544.083.891.174	-
II. Trái phiếu chính phủ			-	-
III. Trái phiếu doanh nghiệp			-	-
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-
IV. Cổ phiếu			436.537.950.400	101.551.493.585
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở GDCK TPHCM, chứng chỉ quỹ đại chúng dạng mở	10%	135.195.585.500	13.519.558.550
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở GDCK Hà Nội	15%	49.725.162.900	7.458.774.435
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UPCOM	20%	40.000.000	8.000.000
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch, cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	226.117.202.000	67.835.160.600
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	25.460.000.000	12.730.000.000
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			-	-
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			-	-
VII. Chứng khoán khác			-	-
VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)			-	-
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				101.551.493.585

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (Tiếp theo)

Đơn vị: VND

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (tính trong vòng 12 tháng)

	Giá trị
I. Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	112.307.064.681
II. Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	(38.954.372.614)
1. Chi phí khấu hao	2.376.441.335
2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(41.385.813.949)
3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-
4. Dự phòng phải thu khó đòi	55.000.000
III. Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III=I-II)	151.261.437.295
IV. 25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV=25%xIII)	37.815.359.324
V. 20% vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	60.000.000.000
C.TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max{IV,V})	60.000.000.000
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)	275.061.493.585

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Ngày 30 tháng 6 năm 2013

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG				Đơn vị: VND
STT	Các chỉ tiêu	Giá trị	Ghi chú (nếu có)	
1.	Tổng giá trị rủi ro thị trường	101.551.493.585		
2.	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	113.510.000.000		
3.	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	60.000.000.000		
4.	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	275.061.493.585		
5.	Vốn khả dụng	2.339.596.639.432		
6.	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)	850,57%		

